

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 609/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cao Trí; Ông Mai Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Trọng Tín – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 493/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 603/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 649/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Phan Văn Q**, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phan Văn Q tự nguyện quen nhau và kết hôn vào năm 2006, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01, đăng ký ngày 22/06/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 (hai) người con chung là cháu Phan Lê Hoàng P, sinh ngày 16/5/2007 và Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 26/7/2011. Đến năm 2023, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, ông Q đã tự thừa

nhận với bà là có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó vợ chồng xa cách, tình cảm nhạt phai nên ông bà quyết định sống ly thân với nhau đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và ông Q không thể hàn gắn được với nhau nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Hiện hai con chung đang sống với bà, cháu P thì đang đi học, còn cháu D thì bị bệnh liên quan đến thần kinh nên không nhận thức được, cháu D chỉ tự sinh hoạt cá nhân hàng ngày, nghe nói được nhưng không hiểu. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác cho các đương sự nhưng bị đơn ông Phan Văn Q vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án cho Tòa án.

* Tòa án tiến hành xác minh, được biết ông Phan Văn Q có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Về mâu thuẫn gia đình giữa bà K và ông Q như thế nào thì ban áp không biết do ông bà không có nhờ ban áp can thiệp hay hòa giải.

Tòa án cũng tiến hành ghi nhận ý kiến của bà Quách Thị Kim L, là mẹ ruột của ông Q và hiện đang sống chung nhà với ông Q. Bà L cho biết vợ chồng ông Q, bà K trước đây chung sống rất hạnh phúc. Đến khoảng 01 năm trước, do ông Q là người có lỗi khi có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, bỏ bê gia đình và vợ con, không chăm sóc. Một mình bà K lo cho gia đình, bà biết chuyện có khuyên ngăn nhưng ông Q không nghe, thường xuyên bỏ đi khoảng 01 - 02 tháng thì về nhà vài ngày rồi đi tiếp, ông Q đã thừa nhận với bà là đã sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài. Việc bà K xin ly hôn, Tòa án có gửi các Thông báo, văn bản cho ông Q biết nhưng do ông Q không có ở nhà nên bà ký nhận thay các văn bản của Tòa án và có điện thoại thông báo cho ông Q biết ngày Tòa án mời làm việc vụ ly hôn. Hiện ông Q đi đâu, làm gì, ở đâu, bà không biết, tùy Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Đồng thời Tòa án ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu P về việc cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ là bà K khi ba mẹ cháu ly hôn.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông Q vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà K được ly hôn với ông Q, giao hai con chung là cháu P và cháu D cho bà K được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị buộc bà K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn ông Phan Văn Q nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*". Bị đơn ông Q có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, riêng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà K và ông Q tự nguyện quen nhau rồi tự nguyện kết hôn, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 116, quyển số 01, đăng ký ngày 22/6/2006 nên

công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Theo khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Tình nghĩa vợ chồng: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;...”. Tuy nhiên, theo bà K trình bày, khi còn sống chung, ông Q đã có quan hệ bất chính và sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, tình cảm nhạt phai nên ông bà quyết định sống ly thân. Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, ông Q không gửi văn bản ý kiến trình bày về vụ án cũng như yêu cầu khởi kiện của bà K. Mặt khác bà K và bà L là mẹ ruột của ông Q đều cho rằng ông Q là người có lỗi với bà K, ông Q đã thừa nhận việc mình có chung sống với người phụ nữ khác bên ngoài và thường bỏ nhà đi, không còn chung sống với bà K. Cho thấy ông Q là người vi phạm nghĩa vụ với bà K, không còn chung thủy với bà K và hiện bà K và ông Q không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải, phiên toà để hoà giải, tạo điều kiện cho bà K và ông Q có cơ hội được hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau nhưng ông Q vắng mặt, cho thấy ông Q đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Tại phiên tòa, bà K và ông Q đều vắng mặt, riêng bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, điều này thể hiện cả bà K và ông Q đều không quan tâm, không còn tha thiết hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa họ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, cho bà K được ly hôn với ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

- Về con chung: Bà K khai vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Phan Lê Hoàng P, sinh ngày 16/5/2007 và Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 26/7/2011. Xét thấy, hiện hai cháu đang sống ổn định với bà K, bà K có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, cháu P có nguyện vọng được sống với bà K, riêng cháu D đang bị bệnh và đang do bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Q không có ý kiến gì về con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung là cháu P và cháu D cho bà K được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung, ông Q cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội

đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này, bà K và ông Q có yêu cầu hay có tranh chấp gì về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung: Căn cứ vào 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy ông Q là người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Q không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này, bà K, ông Q hay ai khác có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K:

- Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị K được ly hôn với ông Phan Văn Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01, đăng ký ngày 22/6/2006 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Phan Văn Q và bà Lê Thị K không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Phan Lê Hoàng P, sinh ngày 16/5/2007 và Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 26/7/2011 cho bà Lê Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu P và cháu D đang sống với bà K.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật: Ông Phan Văn Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0005916 ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên bà K không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Kiều, ông Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. Châu Phú;
- Chi cục THA DS H. Châu Phú;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung